**ẢNH HƯỞNG CỦA PHỔ CẬP TÀI CHÍNH ĐẾN**

**PHONG TRÀO KHỞI NGHIỆP TẠI CÁC QUỐC GIA OECD**

Đinh Thị Thanh Vân, Nguyễn Thục Trang [[1]](#footnote-1)

**TÓM TẮT**

*Phổ cập tài chính hay tài chính toàn diện (financial inclusion) và khởi nghiệp trở thành những chủ đề nhận được sự quan tâm của giới học giả và hoạch định chính sách tại Việt Nam trong thời gian gần đây. Để một doanh nghiệp khởi nghiệp thành công, một yếu tố quan trọng không thể thiếu là doanh nghiệp cần phải nắm vững các kiến thức về quản lý tài chính. Chính vì vậy, phổ cập tài chính có mối liên hệ và ảnh hưởng đáng kể tới sự thành công của các doanh nghiệp khởi nghiệp. Để đánh giá mối liên hệ giữa mức độ phổ cập tài chính tác động ra sao tới sự tăng trưởng của doanh nghiệp khởi nghiệp, bài viết sẽ sử dụng chỉ số phổ cập tài chính (Findex) của Ngân hàng Thế giới (WB) và số lượng tăng trưởng của doanh nghiệp khởi nghiệp từ số liệu của Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD). Kết quả nghiên cứu cho thấy những yếu tố vay mượn từ gia đình, từ các tổ chức tín dụng có ảnh hưởng quan trọng tới sự thành lập mới của các doanh nghiệp khởi nghiệp. Điều đó cũng cho thấy, để tạo đà thành công và phát triển của doanh nghiệp khởi nghiệp thì việc tăng cường phổ cập tài chính là điều hết sức cần thiết. Bài viết sẽ đưa ra một số khuyến nghị chính sách cho việc phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp tại Việt Nam trong thời gian tới.*

*Từ khóa: khởi nghiệp, phổ cập tài chính, tài chính toàn diện, phong trào khởi nghiệp*

EFFECTS OF FINANCIAL INCLUSION ON

STARTUP ESTABLISHMENT IN OECD COUNTRIES

**ABSTRACT**

*Financial inclusion and startup are two topics, which recently get attention of academic researchers and policy makers in Vietnam. One of the important factors for setting up a successful startup is the financial capability of the owners. Therefore, financial inclusion has a strong correlation with startup success. This article tested the effects of several factors in financial index (findex) developed by World Bank on startup establishment in some OECD countries. The statistics of startup were collected from OECD source. The result showed that borrowing from friends and relatives along with from credit institutions have significant impacts on startup establishment in these countries. It means in order to motivate the establishment and success of a startup, improving the financial inclusion within this group is essencial. Finally, the article presented several recommendations for policy makers to stimulate the startup growth in Vietnam in the next time.*

*Key words: startup, financial inclusion, startup establishment.*

1. **GIỚI THIỆU**

Trong một nghiên cứu gần đây của Ngân hàng Thế giới năm 2014 chỉ rõ phổ cập tài chính cho biết tỷ lệ của các cá nhân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ tài chính - khác nhau trên toàn thế giới.Hơn 2.5 tỷ người trưởng thành - khoảng một nửa dân số trưởng thành trên thế giới - không có tài khoản ngân hàng. Trong khi một số trong số những người này không có nhu cầu về tài khoản, hầu hết đều gặp phải các rào cản như chi phí, khoảng cách đi lại, và số lượng giấy tờ.Các cuộc điều tra doanh nghiệp ở 137 nước cho thấy chỉ có 34% các doanh nghiệp trong các nền kinh tế đang phát triển vay ngân hàng, trong khi tỷ lệ này ở các nền kinh tế phát triển là 51%. Trong các nền kinh tế đang phát triển, 35% các công ty nhỏ xác định tài chính là một trở ngại chính, trong khi đó chỉ có 16% trong các nền kinh tế phát triển đối mặt với điều này.Nghiên cứu trên cả 2 mặt lý thuyết và thực nghiệm cũng cho thấy việc phổ cập tài chính là rất quan trọng cho sự phát triển và giảm đói nghèo.Đối với người nghèo, bằng chứng cho thấy việc tiếp cận với tiết kiệm và thanh toán tự động; tiếp cận tín dụng còn yếu.Đối với các doanh nghiệp, đặc biệt đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa và các doanh nhân mới, việc cải thiện khả năng tiếp cận tín dụng có thể mang lại những lợi ích đáng kể.

Startup không còn là cụm từ xa lạ đối với nền kinh tế cũng như với sự phát triển của nền kinh tế.Tuy nhiên,các startup đều là những doanh nghiệp nhỏ và non trẻ Để thành lập và duy trì hoạt động,startup phải đối mặt với khó khăn về tài chính mà nguyên nhân phổ biến của khó khăn này là việc hiểu biết tài chính còn hạn hẹp.Vì vậy, các quyết định tài chính mang tính chiến lược của startup mà nếu thiếu các kiến thức tài chính sẽ dẫn tới sự nghèo nàn trong lựa chọn cũng như rủi ro tài chính,doanh nghiệp startup có thể chết đi ngay từ giai đoạn bắt đầu.Do đó, việc phổ cập tài chính cho các startup là điều hết sức cần thiết đặc biệt là trong thời đại khủng hoảng thông tin lúc này. Phổ cập tài chính sẽ giúp họ củng cố kiến thức tài chính, phát hiện và loại bỏ những thông tin bất đối xứng để đưa ra được hành vi, quyết đinh tài chính đúng đắn.

Dựa trên những lí do thực tiễn này, tác giả đã đặt ra mục tiêu tìm ra một cách thức dựa nhiều vào thực tiễn để có thể cải thiện phong trào khởi nghiệp dựa trên những cải thiện phổ cập tài chính cá nhân của người dân nói chung và của các chủ doanh nghiệp startup nói riêng. Và qua kết quả của bài nghiên cứu: “Ảnh hưởng của phổ cập tài chính cá nhân đến phong trào khởi nghiệp: Trường hợp các quốc gia OECD”, tác giả hy vọng sẽ đem lại những yếu tố thiết thực, mới mẻ để kết hợp cùng những biện pháp giáo dục cho người dân, các startup nhằm thúc đẩy phong trào khởi nghiệp ở Việt Nam và trên thế giới.

1. **TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU**

Bắt đầu từ đầu thế kỷ 21, các bài nghiên cứu trong tiếp theo đề cập nhiều hơn đến tầm quan trọng của hiểu biết tài chính cá nhân và với góc nhìn toàn diện hơn là những cá thể, những doanh nghiệp nhỏ.Theo Amartyan Sen, (2000) lý do nghèo đói không chỉ là do không đủ thu nhập, mà còn là thiếu hiểu biết,an ninh và khả năng tham gia vào hệ thống kinh tế và chính trị.

Báo cáo của ngân hàng dự trữ tại Ấn Độ (2008) cũng biểu thị sự đa di năng của hệ thống tài chính khi tạo ra cơ hội như nhau, hội nhập với những con người bên lề xã hội để tích cực góp phần phát triển và bảo vệ chính họ trước những cú sốc kinh tế. Phổ cập tài chính có liên quan chặt chẽ đến sự phát triển của các cơ sở vật chất và hạ tầng khác trong tiểu bang như đường xá, điện, đập nước và cầu.Trong trường hợp không có các cơ sở trên, nhu cầu tín dụng giảm và nhiều hoạt động kinh doanh có thể không được thực hiện. Kết quả là phổ cập tài chính suy giảm.Có 2 lợi ích của phổ cập tài chính, một là đem lại lợi nhuận cho ngân hàng và thứ hai là để phục vụ xã hội bằng cách đưa người nghèo và người bị gạt ra ngoài lề xã hội vào vòng quay của nền kinh tế.

Hawkins. P(2010) lại kết luận rằng chính phủ cũng có trách nhiệm thúc đẩy việc phổ cập tài chính ở các khu vực nông thôn nằm ở rìa của xã hội.Phổ cập tài chính đem lại những lợi ích sau:(i)Nó giúp người nghèo sử dụng nhiều loại sản phẩm tiết kiệm và cho vay vốn sớm hơn dù ở khu vực xa xôi; (ii) Nó tạo điều kiện phân bổ hiệu quả các nguồn lực sản xuất; (iii) Nó làm giảm chi phí vốn để chuyển quỹ với chi phí thấp;(iv)Nó cải thiện quản lý tài chính hàng ngày thông qua việc cung cấp dịch vụ truy cập vào các dịch vụ tài chính;(v) Bảo đảm chuyển tiền một cách an toàn và dễ dàng hơn bằng cách sử dụng séc, hối phiếu hoặc thông qua ngân hàng điện tử.(vi) Cung cấp các lợi ích xã hội bao gồm bảo vệ chống lại thiệt hại, cải thiện cơ chế chuyển đổi xã hội và các kết nối kinh tế để phát triển nông thôn.

Hơn nữa, phổ cập tài chính là một hộ chiếu cho các sản phẩm và dịch vụ tài chính khác như các cơ sở tín dụng, bảo hiểm và các sản phẩm hưu trí ngắn hạn vì họ nhất thiết phải có quyền truy cập vào tài khoản ngân hàng.Phổ cập tài chính cung cấp cơ sở dữ liệu cho người vay là các cá nhân để nắm bắt các khoản vay, cho vay nhiều và dư thừa vay.(Trích báo cáo về “Các vấn đề và quan ngại trong các tổ chức tài chính vi mô" của Shri YH Malegam,(2011)).

Trên một phương diện khác, với cùng góc độ hộ gia đình, giáo dục tài chính cũng được coi là bước cơ bản và bắt buộc cho phổ cập tài chính.Nó cung cấp kiến thức về ưu và nhược điểm của sản phẩm và dịch vụ tài chính, dựa trên đó một cá nhân có thể chọn được sản phẩm tài chính phù hợp với nhu cầu của mình. Shri Pranab Mukherjee (2013) cho rằng giáo dục tài chính đóng một vai trò quan trọng trong việc phổ cập tài chính, phát triển nền tài chính toàn diện ,thịnh vượng và bền vững.Nó đảm bảo rằng các dịch vụ tài chính sẽ được tiếp cận đến các bộ phận yếu hơn hoặc bộ phận chưa được hưởng các dịch vụ đó của xã hội.Một trong số những bộ phân yếu đó là các doanh nghiệp nhỏ và vừa,các doanh nghiệp startup.

Sự thành công của các doanh nghiệp nhỏ và vừa nói chung và phong trào khởi nghiệp nói riêng là một chủ đề được nhắc đến và thảo luận rất nhiều trong các nghiên cứu trước đây ở trên thế giới và cả Việt Nam. Hầu hết các nghiên cứu trước đây đều tập trung vào mối liên hệ này trong mối tương quan với sự phát triển kinh tế, sự phát triển của tài chính và thu nhập.

Việc thiếu ngân quỹ vốn được coi là một trong những chính hạn chế có thể gặp phải đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ (Ghosh và cộng sự (1993).Bên cạnh đó, Maher Al-Mahouq (2010) cũng chỉ rõ cơ cấu tài chính của doanh nghiệp là nhân tố quan trọng thứ ba của sự thành công của các doanh nghiệp nhỏ và vừa, từ đó để duy trì phong trào khởi nghiệp.Nhân tố này bao gồm nhiều biến số biểu thị nguồn quỹ được sử dụng để bắt đầu giai đoạn khởi nghiệp nếu nó được tài trợ hoặc thông qua ngân hàng thương mại hoặc tổ chức tài chính.

Nghiên cứu của Mohammed S.Chowdhury (2013) cũng kết luận những thách thức đối với sự thành công của doanh nhân các doanh nghiệp vừa và nhỏ liên quan một số vấn đề chính, liên quan đến nhân tố nhân khẩu học và môi trường.Do đó việc tập trung liên tục và chặt chẽ vào tài chính, tư vấn tài chính và cần bằng cuộc sống cũng như công việc giúp tăng cường tinh thần kinh doanh ở Bangladesh.

Đến năm 2017, nghiên cứu của Ajinaja và cộng sự đã chỉ ra có một mối quan hệ mật thiết giữa phổ cập tài chính và những người có thu nhập thấp. Phát hiện thực nghiệm mà xem xét mối quan hệ giữa tài chính vi mô và doanh nghiệp nhỏ ở Nigeria chỉ ra rằng có một mối quan hệ nghịch giữa các khoản vay cho các doanh nghiệp nhỏ và các khoản vay đến các vùng nông thôn ở Nigeria.Điều này phản ánh một thực tế rằng tài chính rất hạn hẹp đối với các chủ doanh nghiệp nhỏ ở nông thôn. Do đó, nghiên cứugợi ý rằng phổ cập tài chính sẽ có một tác động đáng kể tích cực đối với sự phát triển của các mô hình kinh doanh nhỏ nếu kế hoạch này đến được với tất cả người dân tại Nigeria. Nghiên cứu này đưa ra một tín hiệu cho các nhà hoạch định tài chính cần có chủ trương đúng đắn hoặc quy định để khuyến khích tài chính trung gian giữa những người nghèo nông thôn. Do đó, nghiên cứu khuyến nghị tập trung vào sự bức thiết phải tạo chính sách huy động và cho vay vi mô với chi phí phải chăng cho người nghèo và các nhóm người có thu nhập thấp.

Trong những nghiên cứu trước đây đã được tổng hợp,cũng có những nghiên cứu đề cập đến khía cạnh về tài chính và những tác động của nó đến những khía cạnh về con người trong nền kinh tế như nguồn nhân lực. Nhưng những bài nghiên cứu chỉ ra sự tác động của phổ cập tài chính dẫn đến tác động tới phong trào khởi nghiệp của người dân gần như chưa có và chưa được khai thác.

1. **CƠ SỞ LÝ THUYẾT**

***Sự tăng trưởng của startup và phong trào khởi nghiệp***

Theo European Startup Monitor (2015), các doanh nghiệp có tuổi đời dưới 3 năm mà sử dụng công nghệ hoặc thưc tiễn kinh doanh hay có những tiềm năng tăng trưởng đáng kể về doanh thu hay việc làm thì được coi là 1 startup.

Cho đến thời điểm hiện tại ghi nhận thì vẫn chưa có một định nghĩa rõ ràng về sự tăng trưởng của startup song qua những nghiên cứu liên quan tác giả thu thập được dưới đây, hi vọng người đọc sẽ tiếp cận gần hơn, hiểu hơn về cách các startup tăng trưởng như thế nào:

|  |  |
| --- | --- |
| **Tác giả** | **Nội dung nghiên cứu** |
| Robert W. Fairlie và cộng sự (2016) | Chỉ số hoạt động Startups của Kauffman là một chỉ số toàn diện về startup tại Hoa Kỳ. Ba thành phần chính của chỉ số bao gồm: Tỷ lệ chủ doanh nghiệp mới trong nền kinh tế, cơ hội cổ phần của chủ doanh nghiệp mới, mật độ startups trong khu vực. |
| Mariana Klacmer Calopa (2014) | Bài viết (1) trình bày sự phát triển của các công ty mới thành lập, các loại hình của chúng và những nguồn lực tiềm năng về tài chính ở Croatia; (2) đưa ra những định nghĩa về các giai đoạn phát triển của startup, cũng như là các nguồn lực tài chính của chúng ở từng giai đoạn; (3) điều tra xem liệu Croatia có vượt qua giới hạn truyền thống để cập nhật các phương pháp mới về tài chính; (4) đóng góp sự hiểu biết tốt hơn về chiến lược tài chính của các dự án kinh doanh. |
| Paroma Sanyal and Catherine  L. Mann(2010) | Bài nghiên cứu xây dựng dựa trên những khảo sát của Kauffman Foundation với các biến như sau: (1) Internal equity = 1 khi vốn thuộc hoàn toàn của người sở hữu, gia đình họ, hay của chính những nhân viên trong đó (26% Startups sử dụng VCSH là nguồn vốn chính). (2) Internal debt = 1 khi Starups có nguồn vốn vay mượn từ gia đình, nhân viên hoặc từ những cá nhân cụ thể khác (3% Startups sử dụng loại nguồn vốn này). (3) External debt = 1 khi Startups có nguồn vốn từ các khoản vay NH, chính phủ, những DN khác,...(70% startups lúc bắt đầu sử dụng nguồn vốn này). (4) External equity = 1 khi startups được tài trợ bởi angel investments, chính phủ, có vốn liên doanh với các DN khác (1.4%). |

Thêm vào đó, phong trào khởi nghiệp trên thế giới chưa bao giờ hạ nhiệt nhất là trong giai đoạn cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 – Cuộc cách mạng về công nghệ và trí tuệ nhân tạo nhất là các nước OECD, Trung Quốc và Singapore. Đây là một những động lực phát triển các doanh nghiệp startup trẻ trong lĩnh vực công nghệ cao đang bùng nổ mà vấn đề tài chính được coi là một trong những yếu tố quyết định cho sự phát triển.Việt Nam cũng không là một ngoại lệ.Vì vậy, cải thiện tài chính cho các startup cũng như các DNNVV là cần thiết để thúc đẩy phong trào khởi nghiệp của từng quốc gia.

***Phổ cập tài chính đối với doanh nghiệp startup***

Phổ cập tài chính được nhận định là khả năng cung cấp các dịch vụ tài chính có chất lượng tốt với chi phí hợp lí ( Claessens, 2006), đảm bảo khả năng dễ dàng tiếp cận, tính khả dụng của hệ thống tài chính chính thức( Sarma, 2008), mở rộng việc sử dụng của người dân ở mọi tầng lớp xã hội thông qua việc thực hiện các phương pháp tiếp cận sáng tạo bao gồm nhận thức về tài chính và giáo dục nhằm nâng cao phúc lợi tài chính cũng như sự hòa nhập kinh tế và xã hội (OECD, 2013). Ngoài ra, phổ cập tài chính còn là sự tiếp cận các sản phẩm và dịch vụ tài chính; khả năng tài chính ( quản lý tiền một cách hiệu quả, lập kế hoạch cho tương lai và đương đầu với những khó khăn về tài chính) và hiểu biết tài chính.( Helen Aynsiey, 2003).

Vai trò của phổ cập tài chính vào nền kinh tế được hiểu theo nhiều tư tưởng khác nhau.Tình hình phổ cập tài chính, đặc biệt là ở các vùng nông thôn, đã được cải thiện đáng kể mặc dù cần thêm thời gian để đánh giá đầy đủ hiệu quả của những thay đổi gần đây cung cấp dịch vụ tài chính đa dạng hơn và các sản phẩm đã phát huy sự phát triển của hòa nhập tài chính nông thôn, gia tăng đáng kể của các tổ chức tài chính trong các dịch vụ tài chính nông thôn. (Aladdin D.Rillo và cộng sự, 2014)

Sự bùng nổ Internet mặc dù vẫn còn được tiếp cận hạn chế bởi những khách hàng nghèo nhưng xu hướng đáp ứng mọi tầng lớp với mọi thu nhập đang ngày càng tăng nhanh (Paul Breloff, 2013).

Đối với các doanh nghiệp startup – các doanh nghiêp thường bị hạn chế về tài chính, đôi khi không tiếp cận được nguồn tài chính chính thức thì cần sử dụng dịch vụ ngân hàng di động (mobile banking) như một công cụ để tăng khả năng tiếp cận tài chính và hỗ trợ phổ cập tài chính.Nghiên cứu cũng chỉ ra có một sự cải thiện rõ rệt bởi khi sử dụng công cụ này, lượng startup trụ lại theo dõi được tình hình tài chính của cá nhân ở ngân hàng (Jennifer Ivarsson, 2014).

Colman Msoka (2015) cũng chỉ ra rằng tín dụng chỉ nên được sử dụng bằng một phần ba về trọng số bình quân ba loại dịch vụ: tiết kiệm, bảo hiểm và tín dụng. Ngoài ra, giáo dục tài chính cũng cần được giải quyết ở tất cả các cấp, tuyên truyền lối sống ưu tiên tiết kiệm hơn là tín dụng.

**4 - PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

Nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng với nguồn dữ liệu bảng thứ cấp đươc tổng hợp từ OECD và World Bank để phân tích các yếu tố phổ cập tài chính ảnh hưởng đến chỉ số tăng trưởng của phong trào khởi nghiệp mà đại diện là chỉ số doanh nghiệp mới của các quốc gia trong khối OECD.

Mô hình xây dựng bao gồm một biến phụ thuộc và 8 biến độc lập. Trong đó, biến phụ thuộc là số lượng doanh nghiệp mới tính theo năm gốc (DNM) – đại diện cho sự phát triển của phong trào khởi nghiệp, dựa trên nghiên cứu của OECD năm 2016. Các biến độc lập được lựa chọn trong nhóm chỉ số Findex được World Bank lựa chọn và phát triển, đại diện cho phổ cập tài chính bao gồm: Tài khoản tại một tổ chức tài chính (TKM), Tiền tiết kiệm được trong năm (TKN), Vay mượn từ tổ chức tài chính (VNH), Vay mượn từ các nhà đầu tư cá nhân (VDT), Vay mượn từ gia đình và bạn bè (VNT), Thẻ tín dụng (TTD), Thẻ ghi nợ (TGN), Tiền tiết kiệm tại một tổ chức tài chính (TKNH).

|  |
| --- |
| **DNMit= β0 + β1TKMit + β2TKNit + β3VNHit + β4VDTit + β5VNTit + β6TTDit + β7TGNit+ β8TKNHit + uit** |

Mô hình được xây dựng nhằm trả lời cho các câu hỏi nghiên cứu:

* Phổ cập tài chính có tác động đến phong trào khởi nghiệp như thế nào?
* Kinh nghiệm rút ra cho phong trào khởi nghiệp ở Việt Nam là gì?

Dựa vào mô hình, các giả thuyết được đưa ra như sau:

H01: Mô hình không có ý nghĩa, phổ cập tài chính không ảnh hưởng đến phong trào khởi nghiệp

H10: Mô hình có ý nghĩa, các yếu tố có ảnh hưởng đến phong trào khởi nghiệp.

H11: Tài khoản tại một tổ chức tài chính có ảnh hưởng tới phong trào khởi nghiệp

H12: Tiền tiết kiệm được trong năm có ảnh hưởng tới phong trào khởi nghiệp

H13: Vay mượn từ tổ chức tài chính có ảnh hưởng tới phong trào khởi nghiệp.

H14: Vay mượn từ các nhà đầu tư cá nhân có ảnh hưởng tới phong trào khởi nghiệp.

H15: Vay mượn từ gia đình và bạn bè có ảnh hưởng tới phong trào khởi nghiệp.

H16: Thẻ tín dụng có ảnh hưởng tới phong trào khởi nghiệp.

H17:Thẻ ghi nợ có ảnh hưởng tới phong trào khởi nghiệp.

H18: Tiền tiết kiệm tại một tổ chức tài chính có ảnh hưởng tới phong trào khởi nghiệp.

**5 - KẾT QUẢ**

*So sánh hồi quy Pooled OLS, REM và FEM:*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên biến** | **Hệ số Beta** | | |
| **Pooled OLS** | **REM** | **FEM** |
| TKM | 1.303776 | .2937732 | 1.409078 |
| TKN | 1.495005 | -.3056353 | -1.099598 |
| VNH | .5211566 | 1.680784 | 2.158147 |
| VDT | 3.431242 | 1.709247 | 1.852496 |
| VNT | -3.283285 | -2.866108 | -5.040571 |
| TTD | -.2530284 | -.7192158 | -1.163169 |
| TGN | -.2950907 | 1.628266 | 3.118206 |
| TKNH | -1.272814 | -.0132852 | .3215963 |
| R square (*R2*) | 0.3087 | 0.1209 | 0.1121 |

Sử dụng kiểm định Breuch and Pagan để lựa chọn giữa Pooled OLS và REM thì có kết quả p-value = 0.0045 <0.5 nên sử dụng mô hình REM có ý nghĩa hơn. Kiểm định Hausman, p-value = 0.7631 > 0.5 nên không đủ cơ sở khẳng định sử dụng mô hình FEM có hiệu quả hơn là REM. Mô hình REM được lựa chọn và có kết quả như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Biến** | **Hệ số** | **Sai số chuẩn vững** | **Giá trị t** | **Mức ý nghĩa (P-value)** |
| TKM | .2937732 | .8929514 | 0.33 | 0.742 |
| TKN | -.3056353 | .6931909 | -0.44 | 0.659 |
| VNH | 1.680784 | 1.007756 | 1.67 | 0.095 |
| VDT | 1.709247 | 2.242268 | 0.76 | 0.446 |
| VNT | -2.866108 | .8082162 | -3.55 | 0.000 |
| TTD | -.7192158 | .3396377 | -2.12 | 0.034 |
| TGN | 1.628266 | .6971767 | 2.34 | 0.020 |
| TKNH | -.0132852 | .5127963 | -0.03 | 0.979 |

**6 - KẾT LUẬN MÔ HÌNH**

Với mức độ tin cậy 95%, p-value của mô hình = 0.0015 < 0.05, do đó mô hình có ý nghĩa thống kê và đủ cơ sở bác bỏ H0. R2 overall = 0.1209 nói lên rằng mô hình có thể giải thích được 12.09% hiện tượng nghiên cứu. Dựa vào mô hình, không có cơ sở bác bỏ giả thiếtβ1, β2, β3, β4, β8  = 0. Cũng với độ tin cậy 95%, mô hình thu được có ý nghĩa thống kê, chấp nhận giả thiết ban đầu nhóm đưa ra là H15, H16, H17 lần lượt tương ứng: Phần trăm số người có các khoản vay mượn từ gia đình và bạn bè, Thẻ tín dụng và Thẻ ghi nợ có ảnh hưởng tới phong trào khởi nghiệp.

Kết quả chạy mô hình dựa trên 13 nước đại diện trong khối OECD trong 2 năm 2011 và 2014 cho thấy: Sự gia tăng của phần trăm số người có số lượng tài khoản ngân hàng, số lượng vốn vay các trung gian tài chính như ngân hàng cũng như lượng vốn vay các nhà đầu tư có mối tương quan thuận chiều với sự tăng trưởng của phong trào khởi nghiệp. Trong khi đó sự gia tăng phần trăm số người có tiết kiệm ngân hàngcũng như có khoản vay mượn từ ngân hàng với phong trào khởi nghiệp lại có mối tương quan ngược chiều chiều.

Với độ tin cậy 95%, nghiên cứu kết luận rằng phần trăm số người có một thẻ ghi nợ có tác động đến phong trào khởi nghiệp và ảnh hưởng cùng chiều, trong khi đó phần trăm số nười có khoản vay mượn từ bạn bè người thân cũng như số người có một thẻ tín dụng lại có tác động ngượ chiều đến phong trào khởi nghiệp, chấp nhận các giả thiết:

|  |  |
| --- | --- |
| H15 | Vay mượn từ gia đình và bạn bè có ảnh hưởng tới phong trào khởi nghiệp |
| H16 | Thẻ tín dụng có ảnh hưởng tới phong trào khởi nghiệp. |
| H17 | Thẻ ghi nợ có ảnh hưởng tới phong trào khởi nghiệp. |

Hệ số β5 trong bảng kết quả hồi quy nói lên rằng, với 1 đơn vị tăng lên của Vay mượn từ bạn bè thì Phong trào khởi nghiệp giảm 2.866108 đơn vị. Hệ số β6 nói lên rằng, với 1 đơn vị tăng lên của số lượng Thẻ tín dụng thì Phong trào khởi nghiệp giảm 0.7192158 đơn vị. Hệ số β7 cũng cho biết với 1 đơn vị tăng lên của số lượng Thẻ ghi nợ nghiệp thì Phong trào khởi nghiệp tăng thêm 1.628266 đơn vị. Trong khi đó, kết quả cho thấy không đủ cơ sở thừa nhận các giả thiết H11, H12, H13, H14, H18

**7 - KHUYẾN NGHỊ, GIẢI PHÁP**.

***Điều chỉnh nguồn tiền tài trợ từ bạn bè và người thân***

Nghiên cứu chỉ ra mối tương quan ngược chiều giữa lượng tiền vay mượn từ gia đình, bạn bè và phong trào khởi nghiệp. Ở giai đoạn đầu, các doanh nghiệp startup có thể huy động vốn bằng cách vay mượn từ gia đình và bạn bè với mức giá thấp nhất. Tuy nhiên, khi doanh nghiệp đã đi vào hoạt động ổn định hơn, nguồn tài trợ này sẽ trở nên ít thường xuyên hơn. Và việc phong trào khởi nghiệp nói chung và các startup nói riêng còn tăng trưởng kém là do việc hoạt động chưa đi vào ổn định của doanh nghiệp khi phải thường xuyên sử dụng nguồn vốn lưu động từ gia đình trong một năm để chi tiêu cho doanh nghiệp.Do đó, tác giả đề xuất các giải pháp gián tiếp giảm lượng tiền tài trợ từ gia đình và bạn bè qua chiến lược từ bản thân doanh nghiệp

### *Huy động vốn cho hoạt động của startup*

Kết quả nghiên cứu cho thấy, phong trào khởi nghiệp tăng trưởng mạnh hơn khi startup dễ dàng tiếp cận đến các nguồn tài chính hơn. Do đó, để có thêm nhiều startup đi vào hoạt động và ổn định thì các doanh nghiệp startups cần sử dụng nhiều hơn các nguồn vốn trong thị trường tài chính thay vì sử dụng vốn tự có và vốn gia đình. Điều này sẽ giúp doanh nghiệp huy động được vốn lớn hơn và tránh rủi ro startup thất bại do hết tài chính. Ngoài ra, sự cạnh tranh của các ngân hàng tăng lên sẽ kéo theo những điểm lợi thế cho startup khi sử dụng vốn vay ngân hàng.

### *Chiến lược vay mượn tiền từ người thân và bạn bè*

Theo kết quả mô hinh, Vay mượn tiền từ bạn bè và người thân có tác động ngược chiều với sự tăng trưởng, phát triển của phong trào khởi nghiệp, do đó cần có những chiến lược đúng đắn hợp lí để sử dụng nguồn vốn này một cách hiệu quả để phục vụ sự phát triển của doanh nghiệp khởi nghiệp:

* Trước tiên, bạn nên coi việc vay tiền từ người quen cũng như đang vay ngân hàng. Các điều khoản có thể tùy chỉnh nhưng cần đảm bảo người vay phải trả nợ. Điều này giúp người vay tự lập hơn và từ bỏ suy nghĩ: Cứ vay tiền người quen rồi không trả được cũng không sao.
* Tiếp theo, cần phải lập ra kỳ hạn trả tiền cụ thể. Nếu công ty không mang lại đủ lợi nhuận, người vay phải tìm cách khác để kiếm thêm và trả đủ tiền hàng tháng. Cần đề ra một mức phạt trong trường hợp trả nợ trễ.
* Cuối cùng, hãy tính lãi.Kể cả với người thân và bạn bè cũng cần thu lãi trên các khoản vay, đặc biệt là các khoản vay lớn. Nếu người vay muốn trả ít lãi hơn thì sẽ phải rút ngắn thời gian hoàn tiền lại.

***Giảm số lượng người sử dụng thẻ tín dụng***

Bên cạnh đó, nghiên cứu cho thấy có mối quan hệ ngược chiều giữa số lượng thẻ tín dụng doanh nghiệp startup sử dụng và phong trào khởi nghiệp. Việc mở quá nhiều thẻ tín dụng không chỉ có tác động tiêu cực đến mỗi cá nhân mà còn ảnh hưởng chung đến hoạt động của cả doanh nghiệp. Theo lãnh đạo một ngân hàng, khi xếp hạng tín dụng doanh nghiệp - tiêu chí quan trọng để có thể vay tiền ngân hàng từ nay về sau thì sẽ không tốt nếu các nhà băng biết mỗi cá nhân trong doanh nghiệp mở quá nhiều thẻ tín dụng. Do đó, tác giả cũng kiến nghị giải pháp trực tiếp và gián tiếp nhằm làm giảm số lượng thẻ tín dụng của từng cá nhân trong doanh nghiệp.

Đứng trước cái bẫy về thẻ tín dụng này, mối cá nhân, đặc biệt là startup cần trang bị cho mình một nền tảng kiến thức cần thiết về thẻ tín dụng.Dù được cấp hạn mức tín dụng khá lớn thì mỗi cá nhân chỉ nên mở một thẻ tín dụng. Để hạn chế số lượng người mở thẻ tín dụng nhiều, ảnh hưởng đến nguồn tài chính cá nhân vốn chỉ do sự thiếu hiểu biết, chính phủ cũng như các cơ quan chức năng không chỉ dừng lại ở việc giáo dục các cá nhân mà còn nên đề nghị các ngân hàng giảm thời hạn miễn phí thẻ tín dụng từ năm đầu tiên xuống còn nửa năm.

***Dùng thẻ ghi nợ sẽ giúp các startup giàu hơn***

Phát hiện cuối cùng của tác giả đó là mối tương quan thuận chiều giữa số lượng thẻ ghi nợ doanh nghiệp startup sử dụng và phong trào khởi nghiệp. Do có khả năng giám sát tốt hơn tổ chức đang giữ tiền của mình nên những người dùng thẻ ghi nợ sẽ tiết kiệm được nhiều tiền hơn những người không dùng thẻ. Theo một nghiên cứu của Mexico,các thẻ ghi nợ thường được dùng để kiểm tra số dư tài khoản trong năm đầu tiên và tiếp theo trong khi tỷ lệ sử dụng cho các giao dịch còn thấp. Khi chủ thẻ bắt đầu tin tưởng ngân hàng không lấy tiền của họ, họ dần kiểm tra tài khoản ít hơn và để lại nhiều tiền hơn trong tài khoản của mình. Khi sự tin tưởng đã được thiết lập, tỷ lệ tiết kiệm đã tăng lên khoảng 3% đến 5% thu nhập, từ mức hầu như không có gì trước đó.Thậm chí, mức độ tiết kiệm tiền bằng cách cho khách hàng dùng thẻ ghi nợ còn cao hơn các giải pháp khuyến khích khác như tăng lãi suất, duy trì tài khoản không thu phí hay giáo dục về tài chính.Từ những lí do này, tác giả đưa ra giải pháp gián tiếp khuyến khích tăng số lượng thẻ ghi nợ mà mỗi cá nhân của doanh nghiệp startup sử dụng.

Trước những lợi ích cần thiết dành cho các cá nhân nói chung và các startup nói riêng của thẻ ghi nợ , chính phủ cần khuyến khích câc ngân hàng có những chính sách riêng nhằm gia tăng người sử dụng thẻ ghi nợ như phát hành thẻ ghi nợ nội địa và ngoài nước để đa dạng hóa các lựa chọn. Bên cạnh đó, các ngân hàng cần đẩy mạnh hơn việc miễn phí mở thẻ cũng như gia tăng các ưu đãi kèm theo cho chủ thẻ: miễn phí chuyển rút tiền cho tất cả các ngân hàng, không thu phí thường niên tiết kiệm tối đa cho khách hàng sử dụng.

**8. KẾT LUẬN**

Bài viết đóng góp vào kho tài liệu của startup với một góc nhìn mới và rộng hơn sự tác động của sự phát triển phổ cập tài chính đến tăng trưởng phong trào khởi nghiệp.Từ mô hình xây dựng và quá trình nghiên cứu, nhóm có thể trả lời được câu hỏi nghiên cứu đã được đặt ra. Nhóm đã thành công trong việc chỉ ra tác động của phổ cập tài chính đến tăng trưởng phong trào khởi nghiệp, trong đó phát hiện và giải thích nhân tố ảnh hưởng ngược chiều là Vay mượn từ gia đình, bạn bè. Mặc dù vậy, bên cạnh phổ cập tài chính cá nhân vẫn còn nhiều yếu tố khác tác động đến tăng trưởng của phong trào khởi nghiệp. Các chính sách của Việt Nam còn chưa chú trọng đến việc đảm bảo bình ổn các nguồn tài trợ từ các nhà đầu tư thiên thần, nhà đầu tư mạo hiểm gửi để tăng lượng tiền sẵn sàng cung cấp cho doanh nghiệp. Đồng thời các startup vẫn chưa có những chiến lược vay vốn rõ ràng, cụ thể đối với nguồn vốn lớn như vốn vay từ người thân và bạn bè. Việc nâng cao kiến thức tài chính cho startup là vấn đề đáng lo ngại và cần được quan tâm hơn từ chính phủ và các tổ chức quốc tế. Mặc dù vậy thì chính phủ đang có lộ trình đúng đắn trong việc khuyến khích startup. việc nâng cao kiến thức tài chính cho các doanh nghiêp startup tạo điều kiện khuyến khích tăng trưởng startup, đẩy mạnh phong trào khởi nghiệp tại quốc gia.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

|  |
| --- |
| 1. Colman Msoka (2015), “*Financial inclusion and microfinance in Tanzania*”, Inclusive growth: Tanzania Country Report |
| 1. Endeavor-GEM, 2011, “*High-Impact Entrepreneurship Global Report*” |
| 1. [Eric Ries, 2012, “The Lean Startup” book”, http://www.stpia.ir/files/The%20Lean%20Startup%20.pdf](http://www.stpia.ir/files/The%20Lean%20Startup%20.pdf) |
| 1. European Startup Monitor, 2015, “*European Startup Monitor 2015”,* <http://europeanstartupmonitor.com/fileadmin/presse/download/esm_2015.pdf> |
| 1. Jennifer Dahlin Ivarsson (2014), “*Mobile-banking and entrepreneurship: Is there a link? A case study on South Africa*”, Nationalekonomiska Institutionen, Box 7082, ISSN 0283 – 1589 |
| 1. Maher Al-Mahouq (2010), *“Success factors of small and medium-sized enterprises(SMEs): The case of Jordan*”, Anadol University jourmal of social sciences, Cilt/Vol.: 10 – Say/No:1-16 (2010) |
| 1. Mohammed S.Chowdhury (2013), “*Success factors of entrepreneurs of small and medium sized enterprises: Evidence from Banladesh*”, Business and Economic Research, ISSN 2162 – 4860, 2013, Vol.3, No.2. |
| 1. OECD, 2015, “Entrepreneurship at a Glance 2015” |
| 1. Roman Angela, 2011, *“SME’s sector access to finance: An overview”* |
| 1. Yao Wang, 2014, “*What are the biggest obstacles to growth of SMEs in developing countries? An empirical evidence from an enterprise survey”,* JED 210 Paper |

1. Khoa TCNH, Trường ĐH Kinh tế, ĐHQGHN

   Corresponding email: vandtt@vnu.edu.vn [↑](#footnote-ref-1)